TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 236/2025/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 17 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 420/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ tạm trú: số A.303 NOXH, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Phạm Nhựt T, sinh năm 2001; địa chỉ thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: số A.303 NOXH, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 18 tháng 7 năm 2022. Trong quá trình chung sống, bà D và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà D và ông T không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà D và ông T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: quá trình chung sống, bà D và ông T có 01 con chung là cháu Phạm Gia K, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2021. Bà D và ông T thỏa thuận giao con chung cho bà D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà D và ông T thống nhất ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Gia K, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2021 mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà D và ông T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc bà D và ông T thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Ngọc D và ông Phạm Nhựt T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: sau khi ly hôn, bà D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Gia K, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2021.

- Về cấp dưỡng: ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Gia K, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2021 mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc D và ông Phạm Nhựt T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001401 ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 18/7/2022);
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngân